

HỘI ĐỒNG BỘ TRƯỞNG
Số: 71-HĐBT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 16 tháng 6 năm 1989

QUYẾT ĐỊNH

CỦA HỘI ĐỒNG BỘ TRƯỞNG SỐ 71/HĐBT NGÀY 16-6-1989
BAN HÀNH ĐIỀU LỆ TẠM THỜI VỀ CHẾ ĐỘ LÀM VIỆC VÀ QUAN HỆ
CÔNG TÁC CỦA UỶ BAN NHÀ NƯỚC VỀ HỢP TÁC VÀ ĐẦU TƯ
HỘI ĐỒNG BỘ TRƯỞNG

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng Bộ trưởng ngày 4 tháng 7 năm 1981;

Căn cứ vào Luật Đầu tư nước ngoài và Nghị định số 31-HĐBT ngày 25-3-1989 của Hội đồng Bộ trưởng quy định nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức của Ủy ban Nhà nước về hợp tác và đầu tư,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1.- Nay ban hành kèm theo Quyết định này bản Điều lệ tạm thời về chế độ làm việc và quan hệ công tác của Ủy ban Nhà nước về hợp tác và đầu tư.

Điều 2.- Chủ nhiệm Ủy ban Nhà nước về hợp tác và đầu tư, Bộ trưởng các Bộ, Thủ trưởng các cơ quan khác thuộc Hội đồng Bộ trưởng, Ủy ban Nhân dân các tỉnh, thành phố, đặc khu trực thuộc Trung ương có trách nhiệm thi hành Quyết định này.

ĐIỀU LỆ

TẠM THỜI VỀ CHẾ ĐỘ LÀM VIỆC VÀ QUAN HỆ CÔNG TÁC CỦA
UỶ BAN NHÀ NƯỚC VỀ HỢP TÁC VÀ ĐẦU TƯ

*(ban hành kèm theo Quyết định số 71-HĐBT
ngày 16-6-1989 của Hội đồng Bộ trưởng)*

Nhằm cụ thể hoá và bảo đảm thực hiện Nghị định số 31-HĐBT ngày 25-3-1989 của Hội đồng Bộ trưởng quy định nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức của Ủy ban Nhà nước về hợp tác và đầu

tư, bản Điều lệ này quy định chế độ làm việc và quan hệ công tác của Ủy ban Nhà nước về hợp tác đầu tư.

CHƯƠNG I

QUY ĐỊNH CHUNG

I. VỀ TÍNH CHẤT LIÊN BỘ

Điều 1. - Ủy ban Nhà nước về hợp tác và đầu tư (dưới đây gọi tắt là Ủy ban) là cơ quan của Hội đồng Bộ trưởng. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ủy ban được quy định tại Nghị định số 31-HĐBT ngày 25- 3- 1989 của Hội đồng Bộ trưởng. Ủy ban hoạt động theo tính chất liên Bộ phù hợp với tính chất liên ngành của công tác hợp tác và đầu tư.

Những vấn đề quan trọng nhất thuộc nhiệm vụ và quyền hạn của Ủy ban như phương hướng hoạt động, cụ thể hoá chủ trương chính sách của Nhà nước, thẩm định các dự án đầu tư, đánh giá hiệu quả hoạt động đầu tư... được quyết định theo nguyên tắc nhất trí giữa các thành viên của Ủy ban, sau khi đã tham khảo ý kiến các ngành, các địa phương hữu quan. Trong trường hợp ý kiến không nhất trí, Chủ tịch Ủy ban trình bày các ý kiến khác nhau để Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng xem xét và quyết định.

Tuỳ theo sự phân cấp của Nhà nước, các quyết định của Ủy ban có hiệu lực ngay hoặc có hiệu lực sau khi được Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng xem xét, phê chuẩn.

Điều 2. - Hội nghị toàn thể và định kỳ của Ủy ban là hình thức làm việc chủ yếu để đưa ra các quyết định của Ủy ban. Thành viên của Ủy ban có trách nhiệm tham gia đều đặn và đầy đủ các phiên họp của Ủy ban. Khi cần thiết, Chủ nhiệm Ủy ban triệu tập hội nghị bất thường.

Điều 3. - Những vấn đề không đòi hỏi phải giải quyết tại hội nghị toàn thể của Ủy ban, sẽ được giải quyết thông qua các cuộc hội ý giữa Chủ nhiệm và các Phó Chủ nhiệm chuyên trách, có đại diện của ngành hữu quan tham dự nếu cần.

II. TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC THÀNH VIÊN UỶ BAN

Điều 4. - Lãnh đạo Ủy ban gồm Chủ nhiệm, các Phó Chủ nhiệm chuyên trách, và Phó Chủ nhiệm kiêm nhiệm.

Thường trực Ủy ban gồm Chủ nhiệm và các Phó Chủ nhiệm chuyên trách.

Điều 5. - Chủ nhiệm Ủy ban chịu trách nhiệm trước Hội đồng Bộ trưởng về việc tổ chức phối hợp giữa các thành viên của Ủy ban và giữa Ủy ban với các Bộ, các ngành, các địa phương để

thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Ủy ban được quy định tại Nghị định số 31-HĐBT ngày 25-3-1989 của Hội đồng Bộ trưởng.

Các Phó Chủ nhiệm chuyên trách chịu trách nhiệm giúp Chủ nhiệm Ủy ban quán xuyến toàn bộ hoạt động của Ủy ban.

Điều 6. - Các Phó Chủ nhiệm kiêm nhiệm có nhiệm vụ:

- a) Giúp Ủy ban xem xét các vấn đề về đầu tư và hợp tác thuộc chức năng quản lý của ngành mình;
- b) Phản ánh đầy đủ ý kiến chính thức của ngành mình về vấn đề đầu tư và hợp tác để cùng lãnh đạo Ủy ban thảo luận và quyết định.
- c) Tổ chức và trực tiếp chỉ đạo lực lượng cán bộ cần thiết trong ngành mình để thực hiện phần nhiệm vụ liên quan đến hợp tác và đầu tư nước ngoài;
- d) Thay mặt ngành chịu trách nhiệm trước Ủy ban và Hội đồng Bộ trưởng về công việc được Ủy ban phân công.

Điều 7. - Nhiệm vụ cụ thể của Chủ nhiệm và các Phó Chủ nhiệm do tập thể Ủy ban phân công căn cứ theo nhiệm vụ chung quy định tại các điều 5 và 6 của Điều lệ này.

III. THỰC HIỆN CHỨC NĂNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ HỢP TÁC VÀ ĐẦU TƯ

Điều 8. - Ủy ban thực hiện chức năng quản lý Nhà nước được quy định cụ thể tại điều 36 Luật Đầu tư nước ngoài và các Nghị định số 139-HĐBT ngày 5-9-1988 và số 31-HĐBT ngày 25-3-1989 của Hội đồng Bộ trưởng.

Thông qua công tác hướng dẫn và kiểm tra, Ủy ban tạo điều kiện bảo đảm cho các ngành, các cấp, các tổ chức kinh tế trong cả nước chấp hành đúng và có hiệu quả các chủ trương, chính sách, pháp luật của Nhà nước có liên quan đến hợp tác và đầu tư với nước ngoài.

Ủy ban có quyền yêu cầu các ngành, các cấp, các tổ chức kinh tế sửa đổi hoặc bãi bỏ các quy định và hoạt động trái với nội dung quản lý về hợp tác và đầu tư; trong trường hợp không nhất trí thì kiến nghị với Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng quyết định. Ủy ban tôn trọng quyền tự chủ sản xuất - kinh doanh của các tổ chức kinh tế, tôn trọng và không thay thế quyền quản lý Nhà nước của các ngành, các địa phương, không trực tiếp giải quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền của các đơn vị sản xuất - kinh doanh và của các ngành, các địa phương.

Điều 9. - Các Bộ, Ủy ban Nhà nước, Tổng cục quản lý ngành (dưới đây gọi tắt là Bộ quản lý ngành) và Ủy ban Nhân dân các cấp được giao quản lý Nhà nước trực tiếp đối với các tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài thuộc phạm vi phụ trách của mình.

Trong trường hợp đối tượng hợp tác và đầu tư liên quan đến nhiều cơ quan quản lý Nhà nước thì cơ quan quản lý Nhà nước trực tiếp Chủ đầu tư (cơ quan chủ quản đầu tư) có trách nhiệm làm đầu mối phối hợp các ngành, các địa phương, để bảo đảm thực hiện đầy đủ công tác quản lý Nhà nước đối với đơn vị kinh tế hữu quan.

Trong trường hợp việc xác định cơ quan quản lý Nhà nước trực tiếp Chủ đầu tư có vấn đề phải bàn cãi, Ủy ban chỉ định hoặc có kiến nghị để Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng quyết định.

Điều 10. - Các cơ quan làm chức năng quản lý Nhà nước về lĩnh vực có trách nhiệm hướng dẫn, tạo điều kiện thuận lợi cũng như kiểm tra các ngành, các cấp, các tổ chức kinh tế Việt Nam và nước ngoài trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của mình; đồng thời phối hợp chặt chẽ với Ủy ban Nhà nước về hợp tác và đầu tư nhằm thực hiện đầy đủ chức năng quản lý Nhà nước trong lĩnh vực hợp tác và đầu tư với nước ngoài.

IV. QUYỀN HẠN VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC TỔ CHỨC KINH TẾ LÀ CHỦ ĐẦU TƯ

Điều 11. - Chủ đầu tư của Bên Việt Nam phải là các tổ chức sản xuất kinh doanh Việt Nam có tư cách pháp nhân.

Theo phương hướng, chính sách đầu tư của Nhà nước, các tổ chức kinh tế là Chủ đầu tư tự mình lựa chọn mục tiêu đầu tư, xây dựng các dự án, lựa chọn đối tượng hợp tác. Khi được cơ quan quản lý Nhà nước trực tiếp cho phép, chủ đầu tư đàm phán và ký kết hợp đồng với Bên nước ngoài. Khi đơn xin đầu tư được Nhà nước chuẩn y, chủ đầu tư trực tiếp chịu trách nhiệm pháp lý về hiệu quả sản xuất kinh doanh, về lỗ lãi của xí nghiệp, về những nghĩa vụ phải hoàn thành.

CHƯƠNG II CHẾ ĐỘ THẨM ĐỊNH DỰ ÁN

Điều 12. - Việc thẩm định dự án là khâu quan trọng nhất để ra quyết định đầu tư. Nội dung thẩm định của Ủy ban chủ yếu là các vấn đề có liên quan đến quy hoạch, kế hoạch, lợi ích kinh tế, xã hội của cả nước; các vấn đề thuộc chủ trương, chính sách, thể chế chung của cả